

TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÔN

**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 1
NĂM HỌC 2025-2026**

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc (Giấy KS)	Ghi chú
1	Bùi Bảo An	Nữ	29/11/2019	Kinh	
2	Bùi Lê Khánh An	Nữ	12/12/2019	Kinh	
3	Chu Diệu An	Nữ	04/03/2019	Kinh	
4	Chu Minh An	Nam	04/03/2019	Kinh	
5	Mai Hà An	Nữ	12/08/2019	Kinh	
6	Nguyễn Ngọc Khánh An	Nữ	25/09/2019	Kinh	
7	Nguyễn Trần Phúc An	Nam	20/04/2019	Kinh	
8	Nguyễn Trần Trường An	Nam	16/06/2019	Kinh	
9	Nguyễn Vy An	Nữ	24/11/2019	Kinh	
10	Phạm Hoài An	Nữ	19/10/2019	Kinh	
11	Phùng Gia An	Nữ	06/03/2019	Kinh	
12	Tổng Khánh An	Nữ	10/10/2019	Sán Dìu	
13	Vũ Thiên Ân	Nam	30/10/2019	Kinh	
14	Bùi Duy Anh	Nam	30/03/2019	Kinh	
15	Bùi Ngọc Minh Anh	Nữ	17/07/2019	Kinh	
16	Đào Chiêu Anh	Nữ	22/07/2019	Kinh	
17	Đinh Diệp Anh	Nữ	23/11/2019	Kinh	
18	Hoàng Bảo Anh	Nữ	18/10/2019	Kinh	
19	Lâm Quỳnh Anh	Nữ	10/08/2019	Kinh	
20	Lê Bảo Anh	Nữ	17/05/2019	Kinh	
21	Lê Nguyễn Tú Anh	Nữ	01/01/2019	Kinh	
22	Lê Nhật Anh	Nam	22/06/2019	Kinh	
23	Nguyễn Bảo Anh	Nữ	15/04/2019	Kinh	
24	Nguyễn Hà Anh	Nữ	19/08/2019	Kinh	
25	Nguyễn Ngọc Hà Anh	Nữ	31/07/2019	Kinh	
26	Nguyễn Ngọc Minh Anh	Nữ	07/03/2019	Kinh	
27	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	10/10/2019	Kinh	
28	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	08/04/2019	Kinh	
29	Nguyễn Vũ Anh	Nam	24/03/2019	Kinh	
30	Phạm Việt Anh	Nam	28/04/2019	Kinh	
31	Trần Đức Duy Anh	Nam	27/07/2019	Kinh	
32	Trần Trâm Anh	Nữ	13/03/2019	Kinh	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc (Giấy KS)	Ghi chú
33	VŨ MINH ANH	Nam	20/06/2019	Kinh	
34	Bùi Minh Ánh	Nữ	22/05/2019	Kinh	
35	Đào Đức Gia Bảo	Nam	28/12/2019	Kinh	
36	Lương Nguyễn Gia Bảo	Nam	02/10/2019	Kinh	
37	Ngô Gia Bảo	Nam	17/12/2019	Kinh	
38	Nguyễn Sĩ Gia Bảo	Nam	04/04/2019	Kinh	
39	Nguyễn Lê Bảo Bình	Nam	18/07/2019	Kinh	
40	Cù Minh Châu	Nữ	09/08/2019	Kinh	
41	Trần Minh Châu	Nữ	24/02/2019	Kinh	
42	Vũ Minh Châu	Nữ	31/07/2019	Kinh	
43	Vũ Phúc Bảo Châu	Nữ	08/05/2019	Kinh	
44	Đậu Diệp Chi	Nữ	12/11/2019	Kinh	
45	Hà Diệp Chi	Nữ	15/07/2019	Kinh	
46	Lương Quế Chi	Nữ	23/09/2019	Kinh	
47	Nguyễn Diệp Chi	Nữ	13/10/2019	Kinh	
48	Nguyễn Ngọc Chi	Nữ	20/12/2019	Kinh	
49	Nguyễn Quỳnh Chi	Nữ	28/06/2019	Kinh	
50	Phạm Lan Chi	Nữ	08/06/2019	Kinh	
51	Nguyễn Trịnh Linh Đan	Nữ	09/12/2019	Kinh	
52	Phạm Linh Đan	Nữ	10/04/2019	Kinh	
53	Bùi Minh Đăng	Nam	03/04/2019	Kinh	
54	Cầm Hải Đăng	Nam	20/06/2019	Kinh	
55	Nguyễn Công Hải Đăng	Nam	12/01/2019	Kinh	
56	Nguyễn Hữu Hải Đăng	Nam	17/12/2019	Kinh	
57	Vũ Thành Danh	Nam	19/02/2019	Kinh	
58	Ngô Ngọc Diễm	Nữ	24/05/2019	Kinh	
59	Ngô Ngọc Diệp	Nữ	24/02/2019	Kinh	
60	Nguyễn Ngọc Diệp	Nữ	04/07/2019	Kinh	
61	Nguyễn Ngọc Diệp	Nữ	12/06/2019	Kinh	
62	Nguyễn Ngọc Diệp	Nữ	20/12/2019	Kinh	
63	Nguyễn Trần Phương Diệp	Nữ	28/05/2019	Kinh	
64	Bùi Minh Đức	Nam	02/02/2019	Kinh	
65	Hoàng Anh Đức	Nam	26/08/2019	Kinh	
66	Lê Minh Đức	Nam	28/01/2019	Kinh	
67	Hoàng Minh Dũng	Nam	16/10/2019	Kinh	
68	NGUYỄN XUÂN TRÍ DŨNG	Nam	04/09/2019	Kinh	
69	Đoàn Ánh Dương	Nữ	14/12/2019	Kinh	
70	Nguyễn Ngọc Ánh Dương	Nữ	11/12/2019	Kinh	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc (Giấy KS)	Ghi chú
71	Chu Quang Duy	Nam	23/10/2019	Kinh	
72	Lương Đức Duy	Nam	04/12/2019	Kinh	
73	Nguyễn Đức Duy	Nam	01/04/2019	Kinh	
74	Lưu Trường Giang	Nam	16/02/2019	Kinh	
75	Nguyễn Minh Hải	Nam	08/08/2019	Kinh	
76	Nguyễn Thanh Hải	Nam	29/04/2019	Kinh	
77	Phạm Bá Phương Bách Hải	Nam	09/05/2019	Kinh	
78	Lê Gia Hân	Nữ	28/02/2019	Kinh	
79	Nguyễn Ngọc Gia Hân	Nữ	11/04/2019	Kinh	
80	Trần Gia Hân	Nữ	05/11/2019	Kinh	
81	Trịnh Bảo Hân	Nữ	05/11/2019	Dao	
82	Vũ Nguyễn Bảo Hân	Nữ	24/11/2019	Kinh	
83	Bùi Thanh Hằng	Nữ	12/05/2019	Kinh	
84	Nguyễn Phụng Hiếu	Nam	12/04/2019	Kinh	
85	Trần Gia Hiếu	Nam	03/03/2019	Kinh	
86	Đương Gia Hưng	Nam	22/05/2019	Kinh	
87	Lê Hải Hưng	Nam	25/12/2019	Kinh	
88	Nguyễn Hữu Thanh Hưng	Nam	25/03/2019	Kinh	
89	Nguyễn Phú Hưng	Nam	26/09/2019	Kinh	
90	Nguyễn Thành Gia Hưng	Nam	18/09/2019	Kinh	
91	Phan Minh Hương	Nữ	19/06/2019	Kinh	
92	Đỗ Gia Huy	Nam	30/10/2019	Kinh	
93	Lưu Trọng Huy	Nam	24/12/2019	Kinh	
94	Nguyễn Ngọc Đức Huy	Nam	20/07/2019	Kinh	
95	Phùng Quang Huy	Nam	22/11/2019	Kinh	
96	Vũ Gia Huy	Nam	13/02/2019	Kinh	
97	Bùi Văn Quang Khải	Nam	17/01/2019	Mường	
98	Lê Minh Khang	Nam	12/08/2019	Kinh	
99	Lê Minh Khang	Nam	14/11/2019	Kinh	
100	Nguyễn Minh Khang	Nam	07/09/2019	Kinh	
101	Phạm Danh Bảo Khang	Nam	31/12/2019	Kinh	
102	Phạm Minh Khang	Nam	29/10/2019	Kinh	
103	Nguyễn Triệu Minh Khánh	Nữ	06/12/2019	Kinh	
104	Tạ Vũ Ngân Khánh	Nữ	29/03/2019	Kinh	
105	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	28/05/2019	Kinh	
106	Vũ Đăng Khoa	Nam	08/02/2019	Kinh	
107	Đoàn Minh Khôi	Nam	01/03/2019	Kinh	
108	Nguyễn Hữu Minh Khôi	Nam	21/08/2019	Kinh	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc (Giấy KS)	Ghi chú
109	Nguyễn Minh Khuê	Nữ	18/10/2019	Kinh	
110	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	Nữ	14/12/2019	Kinh	
111	Nguyễn Thị Ngọc Khuê	Nữ	18/10/2019	Kinh	
112	Trần Ngọc Khuê	Nữ	05/11/2019	Thái	
113	Đoàn Trung Kiên	Nam	18/08/2019	Kinh	
114	ĐOÀN QUỲNH LAM	Nữ	12/12/2019	Kinh	
115	Đỗ Hoàng Phúc Lâm	Nam	07/09/2019	Kinh	
116	Hà Bảo Lâm	Nam	22/08/2019	Kinh	
117	Nguyễn Phương Tuệ Lâm	Nữ	04/01/2019	Kinh	
118	Nguyễn Tiến Lâm	Nam	06/04/2019	Kinh	
119	Phạm Tùng Lâm	Nam	04/09/2019	Kinh	
120	PHAN VĂN TÙNG LÂM	Nam	07/08/2019	Kinh	
121	Trịnh Tuệ Lâm	Nữ	10/04/2019	Kinh	
122	Đào Nhật Linh	Nữ	24/07/2019	Kinh	
123	Hoàng Thị Khánh Linh	Nữ	24/01/2019	Kinh	
124	Nguyễn Phương Linh	Nữ	11/05/2019	Kinh	
125	Nguyễn Thị Gia Linh	Nữ	19/02/2019	Kinh	
126	Nguyễn Vũ Tuệ Linh	Nữ	21/05/2019	Kinh	
127	Tổng Hà Trúc Linh	Nữ	26/11/2019	Kinh	
128	Trần Ngọc Linh	Nữ	19/10/2019	Tày	
129	Bùi Duy Long	Nam	10/01/2019	Kinh	
130	Phạm Minh Long	Nam	28/07/2019	Kinh	
131	Ngô Hương Ly	Nữ	04/10/2019	Kinh	
132	Cao Anh Minh	Nam	02/04/2019	Kinh	
133	Đỗ Phạm Tuệ Minh	Nữ	24/08/2019	Kinh	
134	Đỗ Quang Minh	Nam	27/11/2019	Kinh	
135	Lại Bảo Minh	Nam	29/11/2019	Kinh	
136	Lê Hoàng Anh Minh	Nam	31/12/2019	Kinh	
137	Lê Quang Minh	Nam	01/11/2019	Kinh	
138	Nguyễn Nhật Minh	Nam	09/10/2019	Kinh	
139	Nguyễn Tuấn Minh	Nam	28/11/2019	Kinh	
140	Nguyễn Văn Đức Minh	Nam	08/07/2019	Kinh	
141	Phạm Khánh Minh	Nam	04/07/2019	Kinh	
142	Phạm Nguyễn Hải Minh	Nam	14/02/2019	Kinh	
143	Phan Công Minh	Nam	18/04/2019	Kinh	
144	Tạ Trần Thiên Minh	Nam	07/07/2019	Kinh	
145	Trần Tuấn Minh	Nam	18/04/2019	Kinh	
146	Dương Quỳnh My	Nữ	02/06/2019	Kinh	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc (Giấy KS)	Ghi chú
147	Nguyễn Diễm My	Nữ	06/12/2019	Kinh	
148	Nguyễn Phương Nga	Nữ	16/08/2019	Kinh	
149	Hoàng Thùy Ngân	Nữ	05/09/2019	Kinh	
150	Ngô Bảo Ngân	Nữ	20/12/2019	Kinh	
151	Giang Bảo Ngọc	Nữ	24/12/2019	Kinh	
152	Nguyễn Khánh Ngọc	Nữ	09/09/2019	Kinh	
153	Nguyễn Minh Ngọc	Nam	29/08/2019	Kinh	
154	Vũ Bảo Ngọc	Nữ	09/06/2019	Kinh	
155	Đinh Phương Nguyên	Nữ	01/07/2019	Kinh	
156	Phạm An Nguyên	Nữ	03/06/2019	Kinh	
157	Nguyễn Minh Nhật	Nam	15/07/2019	Kinh	
158	Phạm Minh Nhật	Nam	17/04/2019	Kinh	
159	Lê Yến Nhi	Nữ	13/01/2019	Kinh	
160	Nguyễn Dương Hà Nhi	Nữ	13/12/2019	Kinh	
161	Nguyễn Huyền Nhi	Nữ	30/06/2019	Kinh	
162	Nguyễn Ngọc Tuệ Nhi	Nữ	10/10/2019	Kinh	
163	Phạm Diệp Nhi	Nữ	31/05/2019	Kinh	
164	Trần Diệu Nhi	Nữ	29/10/2019	Sán Dìu	
165	Nguyễn An Nhiên	Nữ	04/10/2019	Kinh	
166	Phùng An Nhiên	Nữ	07/11/2019	Kinh	
167	Đỗ Hiếu Phong	Nam	10/05/2019	Kinh	
168	Lê Duy Phong	Nam	02/10/2019	Kinh	
169	Nguyễn Trung Phong	Nam	01/03/2019	Kinh	
170	Phùng Tuấn Phong	Nam	06/09/2019	Kinh	
171	Trịnh Thanh Phong	Nam	12/02/2019	Kinh	
172	Đỗ Hoàng Phúc	Nam	26/12/2019	Kinh	
173	Lê Đức Phúc	Nam	24/11/2019	Kinh	
174	Nguyễn Đức Phúc	Nam	27/11/2019	Kinh	
175	Nguyễn Hữu Gia Phúc	Nam	26/07/2019	Kinh	
176	Nguyễn Ngọc Lan Phương	Nữ	15/06/2019	Kinh	
177	Trương Hà Phương	Nữ	20/12/2019	Kinh	
178	Lê Trung Quân	Nam	19/03/2019	Kinh	
179	Nguyễn Minh Quân	Nam	03/09/2019	Kinh	
180	Nguyễn Minh Quân	Nam	11/01/2019	Kinh	
181	Trần Đức Quân	Nam	11/03/2019	Kinh	
182	Trần Minh Quân	Nam	30/06/2019	Mường	
183	Nguyễn Minh Quang	Nam	01/12/2019	Kinh	
184	Phạm Đỗ Quang	Nam	20/08/2019	Kinh	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc (Giấy KS)	Ghi chú
185	Phạm Nhật Quang	Nam	06/11/2019	Kinh	
186	Bùi Tổ Linh San	Nữ	16/01/2019	Kinh	
187	Nguyễn Đức Thắng	Nam	08/01/2019	Kinh	
188	Nguyễn Hoàng Chí Thanh	Nam	23/02/2019	Kinh	
189	Nguyễn Tiến Thành	Nam	24/11/2019	Kinh	
190	Bùi An Thảo	Nữ	28/10/2019	Kinh	
191	Đặng Bích Thảo	Nữ	02/05/2019	Kinh	
192	Lê Phước Thịnh	Nam	14/09/2019	Kinh	
193	Nguyễn Hoàng Thanh Thủy	Nữ	02/04/2019	Kinh	
194	Trần Thủy Tiên	Nữ	12/08/2019	Kinh	
195	Nguyễn Đình Tiến	Nam	11/06/2019	Kinh	
196	Trịnh Mộc Trà	Nữ	18/07/2019	Kinh	
197	Đinh Bảo Trâm	Nữ	23/05/2019	Kinh	
198	Nguyễn Ngọc Trân	Nữ	28/08/2019	Kinh	
199	Phạm Quỳnh Trang	Nữ	21/05/2019	Kinh	
200	Trần Minh Trí	Nam	19/09/2019	Kinh	
201	Bùi Trung Trọng	Nam	02/06/2019	Kinh	
202	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	02/06/2019	Kinh	
203	Trương Khắc Thành Trung	Nam	19/09/2019	Kinh	
204	Nguyễn Thế Trường	Nam	19/12/2019	Kinh	
205	Nguyễn Anh Tú	Nam	01/07/2019	Kinh	
206	Trần Kiều Thanh Tú	Nữ	29/12/2019	Kinh	
207	Bùi Anh Tuấn	Nam	05/10/2019	Kinh	
208	Nguyễn Trần Ngọc Tuấn	Nam	02/10/2019	Kinh	
209	Bùi Minh Tuệ	Nam	19/01/2019	Kinh	
210	Lê Minh Tuệ	Nam	06/04/2019	Kinh	
211	Hoàng Minh Tùng	Nam	16/10/2019	Kinh	
212	Nguyễn Thanh Vân	Nữ	14/06/2019	Kinh	
213	Nguyễn Thùy Vân	Nữ	13/07/2019	Kinh	
214	Man Phú Vinh	Nam	21/09/2019	Kinh	
215	Lê Đình Minh Vũ	Nam	24/08/2019	Kinh	
216	Nguyễn Bảo Vy	Nữ	05/07/2019	Kinh	
217	Tô Quỳnh Vy	Nữ	08/12/2019	Kinh	
218	Vũ Cát Tường Vy	Nữ	16/12/2019	Kinh	
219	Nguyễn Phú Yên	Nam	18/09/2019	Kinh	
220	Phạm Hải Yến	Nữ	04/06/2019	Kinh	
221	Trần Hải Yến	Nữ	20/12/2019	Kinh	
222	Vũ Hoàng Yến	Nữ	08/09/2019	Kinh	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc (Giấy KS)	Ghi chú
-----	-----------	-----------	-----------	-------------------	---------